

Số: 1230 – 2022/FPTS-FAD

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Chứng khoán FPT
- Mã chứng khoán: FTS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, Đường Lạc Long Quân, P.Bưởi, Q.Tây Hồ, Tp.Hà Nội
- Điện thoại: 1900 6446
- Fax: (0243)773 9058
- Email: cbtt@fpts.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/8/2022 tại đường dẫn <http://www.fpts.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết số 1229-2022/FPTS.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trịnh Thanh Hằng

Số: 1229 - 2022/FPTS

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2022

THÔNG BÁO THAY ĐỔI SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên tổ chức: Công ty Cổ Phần Chứng khoán FPT
- Mã chứng khoán: FTS
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 52, Đường Lạc Long Quân, P. Bưởi, Q. Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: 19006446
- Fax: (0243)773 9058
- Email: cbtt@fpts.com.vn
- Website: www.fpts.com.vn



| STT | Nội dung | Trước khi thay đổi | Thay đổi | Sau khi thay đổi | Lý do thay đổi |
|-----|---------------------------------|--------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Vốn điều lệ (VNĐ) | 1.507.913.140.000 | Tăng 442.686.370.000 | 1.950.599.510.000 | Chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-2022/NQ/ĐHĐCĐ/FPTS ngày 29/03/2022, Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 203/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/07/2022 |
| 2 | Tổng số cổ phiếu | 150.791.314 | Tăng 44.268.637 | 195.059.951 | |
| 3 | Số lượng cổ phiếu quỹ | 266 | 0 | 266 | |
| 4 | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu | 150.791.048 | Tăng 44.268.637 | 195.059.685 | |

| | | | | | |
|---|---------------------------------|---|---|---|--|
| | quyết định đang lưu hành | | | | |
| 5 | Số lượng cổ phiếu khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | |

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 1227-2022/FPTS

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người đại diện theo pháp luật/Người được UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Trịnh Thanh Hằng



Số: 1227 – 2022/FPTS

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2022.

BÁO CÁO
KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG
(theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 203/GCN-UBCK do
chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/07/2022)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.
2. Tên viết tắt: FPTS
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Đường Lạc Long Quân, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
4. Số điện thoại: 19006446 Fax: (84.24) 3773 9058 Website: <http://www.fpts.com.vn>
5. Vốn điều lệ: 1.475.672.970.000 đồng (Một nghìn bốn trăm bảy mươi lăm tỷ sáu trăm bảy hai triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng)/.
6. Mã cổ phiếu: FTS
7. Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Hà Thành
Số hiệu tài khoản: 122.10.00.0295691
8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Không có
9. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành): Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK – GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 13/07/2007, Giấy phép điều chỉnh thành lập và hoạt động gần nhất số 72/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 30/8/2021.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- + Môi giới chứng khoán
- + Tự doanh chứng khoán
- + Tư vấn đầu tư chứng khoán
- + Bảo lãnh phát hành chứng khoán
- + Lưu ký chứng khoán

II. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Chứng khoán FPT.
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

3. Số lượng cổ phiếu chào bán: 44.270.288 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phiếu Tổ chức phát hành chào bán: 44.270.288 cổ phiếu;
Trong đó:
 - Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu: 29.513.459 cổ phiếu.
 - Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ năm 2022: 14.756.729 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu cổ đông/chủ sở hữu/thành viên chào bán: 0 cổ phiếu.
4. Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu. (Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)
5. Tổng giá trị vốn huy động: 147.567.290.000 đồng (Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ), trong đó:
 - Giá trị vốn huy động của Tổ chức phát hành: 147.567.290.000 đồng;
 - Giá trị vốn huy động của cổ đông: 0 đồng.
6. Phương thức phân phối:
 - a. *Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu:*
 - *Đối tượng phát hành:* Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
 - *Tỷ lệ phát hành:* 10:2 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần cũ sẽ được nhận thêm 20 cổ phần mới).
 - *Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành thêm cổ phiếu sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống. Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không phát hành.
Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 189 cổ phiếu, cổ đông A được nhận $189 \times 20\% = 37,8$ cổ phiếu, số cổ phần mà cổ đông A được nhận theo nguyên tắc làm tròn xuống là 37 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,8 cổ phiếu sẽ hủy bỏ, không phát hành.
 - *Nguồn thực hiện phát hành:*
 - Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ tại ngày 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT: 89.366.336.792 đồng (Tám mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm ba mươi sáu ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng).
 - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ tại ngày 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT: 89.368.486.792 đồng (Tám mươi chín tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm tám mươi sáu ngàn bảy trăm chín mươi hai đồng).
 - Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện chưa phân phối tại ngày 31/12/2021 trên Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT: Tối đa 116.399.766.416 đồng (Một trăm mười sáu tỷ ba trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn bốn trăm mười sáu đồng)

- Ngày đăng ký cuối cùng: 26/07/2022.

b. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ năm 2022:

- Đối tượng chào bán: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp để thực hiện quyền mua.
- Tỷ lệ chào bán: 10:1, điều đó có nghĩa tại ngày chốt danh sách cổ đông, cổ đông sở hữu 01 cổ phần tương ứng với 01 quyền mua, cứ 10 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phần chào bán thêm.
- Chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình hoặc từ chối quyền mua. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua của mình cho một hoặc nhiều người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng và chỉ được chuyển nhượng 01 lần.
- Phương án làm tròn đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền: Để đảm bảo không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông hiện hữu được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Số cổ phiếu lẻ (phần thập phân) (nếu có) sẽ hủy bỏ, không chào bán.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 189 cổ phiếu, cổ đông A được quyền mua $189 \times 10\% = 18,9$ cổ phiếu, theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị thì số cổ phiếu mà cổ đông A được quyền mua là 18 cổ phiếu.

- Phương án xử lý số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết:

Việc xử lý cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền, không nộp tiền mua phải đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và tuân thủ quy định về đầu tư góp vốn vào công ty mẹ, công ty con theo quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020.

- ✓ Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua (nếu có), Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT toàn quyền phân phối cho các đối tượng khác có nhu cầu do HĐQT lựa chọn đảm bảo tuân thủ quy định với giá bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.
 - ✓ Số cổ phần không phân phối hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua được Hội đồng quản trị phân phối cho các đối tượng khác theo phương án này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - ✓ Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa được phân phối hết này được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. HĐQT cân nhắc lựa chọn và điều chỉnh phương án sử dụng vốn để đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Phương án xử lý trong trường hợp cổ phần không chào bán hết theo dự kiến
- Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Trong trường

hợp cổ phần không phân phối hết theo dự kiến và số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay ngân hàng hoặc tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ bổ sung khác để bù đắp phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán:

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến là 80% (tương đương với số tiền thu được tối thiểu là 118.053.832.000 đồng). Vì vậy, trong trường hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn tín dụng của Ngân hàng, các tổ chức tài chính,...

- Ngày đăng ký cuối cùng: 26/07/2022.

7. Thời gian nhận đăng ký mua và nộp tiền: Từ ngày 02/08/2022 đến ngày 23/08/2022 (Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu)

Trong đó:

- Thời gian đăng ký mua và nộp tiền do cổ đông hiện hữu thực hiện quyền: Từ ngày 02/08/2022 đến ngày 23/08/2022

- Thời gian đăng ký mua và nộp tiền do nhà đầu tư được phân phối cổ phiếu không chào bán hết thực hiện: Từ ngày 29/08/2022 đến ngày 30/08/2022.

8. Ngày kết thúc đợt chào bán: 30/08/2022

9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Dự kiến Trong tháng 09 năm 2022, sau khi Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

III. KẾT QUẢ CHÀO BÁN/ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU

1. Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu

Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 29.512.749 cổ phiếu, trong đó:

- Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông theo tỷ lệ: 29.512.749 cổ phiếu cho 8.297 cổ đông;

- Số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: 681,2 cổ phiếu. (không phát hành)

2. Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

| Đối tượng mua cổ phiếu | Giá chào bán (đồng/cổ phiếu) | Số cổ phiếu chào bán | Số cổ phiếu được đăng ký mua | Số cổ phiếu được phân phối | Số nhà đầu tư đăng ký mua | Số nhà đầu tư được phân phối | Số nhà đầu tư không được phân phối | Số cổ phiếu còn lại | Tỷ lệ cổ phiếu được phân phối |
|---------------------------------------|------------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------------|---------------------|-------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6-7 | 9=3-5 | 10 |
| 1. Chào bán cổ phiếu ra công chúng | 10.000 | 14.756.729 | 14.433.185 | 14.433.185 | 5.391 | 5.391 | - | 323.544 | 97,807% |
| 2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết | 10.000 | 322.703 | 322.703 | 322.703 | 11 | 11 | - | - | 2,187% |

| | | | | | | | | | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------|-------------------|-------------------|--------------|--------------|---|---|----------------|
| Tổng số | | 14.756.729 | 14.755.888 | 14.755.888 | 5.402 | 5.402 | - | | 99,994% |
| 1. Nhà đầu tư trong nước | 10.000 | 11.179.206 | 11.245.443 | 11.245.443 | 5.339 | 5.339 | - | - | 76,206% |
| 2. Nhà đầu tư nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 10.000 | 3.577.523 | 3.510.445 | 3.510.445 | 63 | 63 | - | - | 23,789% |
| Tổng số | | 14.756.729 | 14.755.888 | 14.755.888 | 5.402 | 5.402 | | | 99,994% |

- Trường hợp có bảo lãnh phát hành, nêu kết quả phân phối cổ phiếu cho tổ chức bảo lãnh phát hành theo cam kết tại hợp đồng (số lượng, giá, trường hợp có tổ hợp bảo lãnh thì nêu từng tổ chức):
Không có

- Trường hợp phân phối số cổ phiếu còn lại một hoặc một số nhà đầu tư xác định:

Số cổ phiếu, tỷ lệ chào bán cho từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ trên vốn điều lệ trong đợt chào bán này và trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất và tỷ lệ sở hữu của từng nhà đầu tư và người có liên quan của họ sau đợt chào bán chi tiết tại Phụ lục 01 đính kèm Báo cáo này.

IV. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 44.268.637 cổ phiếu, tương ứng 99,996% tổng số cổ phiếu chào bán, trong đó:

- Số lượng cổ phiếu của Tổ chức phát hành: 44.268.637 cổ phiếu;

Trong đó:

- + Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu: 29.512.749 cổ phiếu.
- + Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn Điều lệ năm 2022: 14.755.888 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu của cổ đông: 0 cổ phiếu.

2. Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 147.558.880.000 đồng (Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu), trong đó:

- Tổng số tiền của Tổ chức phát hành: 147.558.880.000 đồng;

- Tổng số tiền của cổ đông: 0 đồng.

3. Tổng chi phí: 70.560.000 đồng.

- Phí cấp phép chào bán: 50.000.000 đồng

- Phí chốt danh danh thực hiện quyền: 14.000.000 đồng

- Phí chuyển tiền của VSD: 1.100.000 đồng

- Phí công bố thông tin: 5.460.000 đồng

4. Tổng thu ròng từ đợt chào bán: 147.488.320.000 đồng

V. Cơ cấu vốn của Tổ chức phát hành sau đợt chào bán

1. Cơ cấu vốn

| TT | Danh mục | Số lượng cổ đông | Số cổ phần sở hữu | Giá trị cổ phần sở hữu theo mệnh giá | Tỷ lệ sở hữu |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|--------------------|--------------------------------------|---------------|
| I Cổ đông trong nước, nước ngoài | | | | | |
| 1 | Trong nước | 8.352 | 148.619.142 | 1.486.191.420.000 | 76,19 |
| 1.1 | Nhà nước | | - | - | - |
| 1.2 | Tổ chức | 46 | 42.793.288 | 427.932.880.000 | 21,94 |
| 1.3 | Cá nhân | 8.306 | 105.825.854 | 1.058.258.540.000 | 54,25 |
| 2 | Nước ngoài | 249 | 46.440.809 | 464.408.090.000 | 23,81 |
| 2.1 | Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ | 22 | 45.986.687 | 459.866.870.000 | 23,58 |
| 2.2 | Cá nhân | 227 | 454.122 | 4.541.220.000 | 0,23 |
| | Tổng cộng (1 + 2) | 8.601 | 195.059.951 | 1.950.599.510.000 | 100,00 |
| II Cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, cổ đông khác | | | | | |
| 1 | Cổ đông sáng lập | 4 | 41.885.474 | 418.854.740.000 | 21,47 |
| 2 | Cổ đông lớn | 2 | 76.722.809 | 767.228.090.000 | 39,33 |
| 3 | Cổ đông nắm giữ dưới 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết | 8.599 | 118.337.142 | 1.183.371.420.000 | 60,67 |
| | Tổng cộng (2 + 3) | 8.601 | 195.059.951 | 1.950.599.510.000 | 100,00 |

2. Danh sách và tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

| TT | Tên cổ đông | Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân | Số cổ phần sở hữu | Tỷ lệ Sở hữu |
|----|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------|
| 1 | CÔNG TY CỔ PHẦN FPT | 0101248141 | 34.921.003 | 17,90 |
| 2 | SBI FINANCIAL SERVICES CO., LTD. | CC8959 | 41.801.806 | 21,43 |
| | Tổng cộng | | 76.722.809 | 39,33 |

VI. Tài liệu gửi kèm

1. Giấy xác nhận số dư của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam về số tiền thu được từ đợt chào bán;
2. Nghị quyết HĐQT số 06-2022/NQ/HĐQT/FPTS ngày 29/08/2022 về việc phân phối lại cổ phiếu không chào bán hết trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn điều lệ năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Diệp Trùng

PHỤ LỤC 01:
DANH SÁCH NHÀ ĐẦU TƯ ĐƯỢC PHÂN PHỐI LẠI CỔ PHIẾU KHÔNG CHÀO BÁN HẾT

| STT | HỌ VÀ TÊN | Mối quan hệ với Nhà đầu tư | SLCP đã sở hữu tại ngày 30/8/2022 | SLCP được phân phối trong đợt chào bán này (bao gồm cả được nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu, thực hiện quyền mua và được phân phối cổ phiếu không chào bán hết) | Số lượng CP được mua trong đợt Phát hành CP ESOP 2022 (Kết thúc đợt phát hành ngày 23/08/2022) | Tỷ lệ SLCP được phân phối trong đợt chào bán này trên SLCP đang lưu hành (Tính trên VDL cũ sau 23/08/2022) | Tỷ lệ SLCP được phân phối trong các đợt chào bán, phát hành trong 12 tháng gần nhất (Tính trên VDL cũ sau 23/08/2022) | Tỷ lệ SLCP sở hữu sau đợt chào bán (tính trên VDL mới) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| 1 | Nguyễn Thu Hiền | | - | 60.113 | 1.200 | 0,040% | 0,041% | 0,031% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 2 | Trần Thị Thu Chung | | - | 47.500 | 2.000 | 0,032% | 0,033% | 0,025% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 3 | Hà Đăng Huy | | - | 71.950 | - | 0,048% | 0,048% | 0,037% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 4 | Nguyễn Thị Thùy Hương | | | 39.740 | 1.500 | 0,026% | 0,027% | 0,021% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 5 | Lê Thu Hằng | | 3.700 | 6.010 | 20.500 | 0,004% | 0,018% | 0,014% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |

| | | | | | | | | |
|------|-----------------------------------------------------------------------------|-------|--------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| 6 | Nguyễn Kiều Hưng | | - | 22.100 | - | 0,015% | 0,015% | 0,011% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 7 | Nguyễn Quý Thành | | - | 22.100 | - | 0,015% | 0,015% | 0,011% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 8 | Phan Anh Vũ | | - | 24.500 | - | 0,016% | 0,016% | 0,013% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | 1.900 | 2.370 | - | 0,002% | 0,002% | 0,001% |
| 8.1 | Lê Thị Hải Yến | Vợ | - | 1.800 | - | 0,001% | 0,001% | 0,001% |
| 8.2 | Phan Thị Bích Ngân | Em | 1.900 | 570 | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 9 | Trần Phú Hoàng | | 6 | 4.301 | 20.500 | 0,003% | 0,016% | 0,013% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |
| 10 | Đỗ Thị Mai Hương | | 4.600 | 11.030 | 16.600 | 0,007% | 0,018% | 0,014% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | 8.300 | 4.680 | 24.800 | 0,003% | 0,020% | 0,015% |
| 10.1 | Đoàn Khắc Lâm | Chồng | 8.300 | 4.680 | 24.800 | 0,003% | 0,020% | 0,015% |
| 11 | Vũ Thị Thanh Nga | | - | 45.700 | - | 0,030% | 0,030% | 0,023% |
| | <i>Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu, mua cổ phiếu trong đợt chào bán</i> | | - | - | - | 0,000% | 0,000% | 0,000% |

